

SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG TRONG THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

*Nguyễn Ngọc Kỳ Duyên (K20502C) & Hoàng Lan Anh (K20501),
Sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG Tp. HCM*

**So sánh Bản án số 02/2020/KDTM-PT ngày 19/02/2020 của TAND tỉnh Nghệ An¹
và Bản án số 02/2019/KDTM-ST ngày 12/3/2019 của TAND tỉnh Bình Phước²**

A. THÔNG TIN VỤ ÁN BẢN ÁN SỐ 02/2020/KDTM-PT NGÀY 19/02/2020 CỦA TAND TỈNH NGHỆ AN³

1. Các bên trong vụ án

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P (Sau đây gọi tắt là “Công ty P”)

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn C - Giám đốc Công ty P

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A (Sau đây gọi tắt là “Công ty A”)

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Minh H - Giám đốc Công ty A

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn H1 và ông Mai Đức T.

Người kháng cáo: Bị đơn là Công ty A

2. Các dữ kiện xoay quanh vấn đề pháp lý⁴

Ngày 02/12/2015, Công ty P và Công ty A đã ký Hợp đồng mua bán thiếc số 02/2015/PITCO-ATC. Theo đó, Công ty P mua 40 tấn thiếc thỏi loại 25 (+/- 2) kg; thời gian chốt giá trong vòng 175 ngày kể từ ngày giao hàng cho Công ty A; hàng được giao từng lần là 20 tấn, giao hàng trước ngày 30/01/2016; còn 20 tấn giao hàng trước ngày 30/02/2016.

¹ Tìm xem bản án tại : <<https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta472640t1cvn/chi-tiet-ban-an>>

² Tìm xem bản án tại :

<http://diendanngheluat.vn/upload/files/%5B8_16_20%5D%20Tong%20hop%2020%20Ban%20an%20HCT%4%90CB-SKBKK.pdf?fbclid=IwAR0ODxZh8ttI4JbBXkQClRuBFxQk0IQjXAx_UwZULcFgFcdE0Pe5N-Vs2_M> trang 97-103

³ Sau đây gọi là Bản án 1

⁴ Nhóm tác giả chỉ trích lược những tình tiết, sự kiện chính yếu và cần thiết cho việc bình luận án. Để biết thêm thông tin cụ thể, quý độc giả có thể tìm đọc bản án tại chú thích số 1

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã cho Công ty A tạm ứng số tiền 5.372.435.316 đồng. Từ khi Công ty A tạm ứng số tiền cho đến nay, phía Công ty A chưa giao được số hàng nào cho Công ty P. Công ty P đã nhiều lần làm văn bản yêu cầu Công ty A giao hàng nhưng do thời kỳ đó sản xuất gặp nhiều khó khăn nên Công ty A không thể giao hàng đúng như cam kết trong hợp đồng.

Đến ngày 10/4/2018, hai bên đã làm biên bản đối chiếu công nợ và thỏa thuận lãi suất 8,5%/năm. Đến ngày 31/3/2018, Công ty A còn nợ Công ty P số tiền gốc tạm ứng và lãi suất là 6.434.191.973 đồng. Sau khi chốt nợ, Công ty A đã trả cho Công ty P số tiền 40.000.000 đồng. Nay, Công ty A sản xuất đang gặp nhiều khó khăn, nên Công ty A đề nghị Công ty P giãn thời gian trả nợ và cho trả nợ dần.

Về phía Công ty P, xét thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm nên đã yêu cầu Tòa án buộc Công ty A phải trả số tiền tạm ứng gốc và lãi suất theo thỏa thuận tính đến ngày 30/7/2019. Tổng số tiền là 7.003.270.395 đồng. Trong đó, tiền gốc là 5.332.435.316 đồng, tiền lãi suất là 1.670.835.079 đồng.

Về phía Bị đơn là Công ty A, người đại diện của Bị đơn có bản khai thừa nhận đúng như người đại diện của Nguyên đơn trình bày.

3. Nhận định của Tòa án

Về quan hệ tranh chấp, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án không chính xác. Xét thấy, Công ty P khởi kiện đề nghị Công ty A trả số tiền hàng tạm ứng và lãi suất phát sinh, số tiền hai bên đã thừa nhận và đối chiếu công nợ. Do đó cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về đòi lại tài sản” thay vì “Tranh chấp hợp đồng mua bán thiếc”.

Về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa cả 02 người được ủy quyền về cùng một nội dung vụ việc theo 02 giấy ủy quyền ở hai thời điểm ký khác nhau, Tòa án phúc thẩm cho rằng việc đưa ông Trần Văn H1 và ông Hoàng Giang L vào tham gia tố tụng không làm thay đổi bản chất của vụ án và vẫn đảm bảo quá trình tố tụng.

Về hiệu lực của Hợp đồng mua bán thiếc số 02/2015/PITCO-ATC, việc thỏa thuận của hai bên không thuộc trường hợp hạn chế sử dụng ngoại hối, không vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

Về việc không thực hiện giao hàng đúng thời hạn, Công ty A cho rằng hành vi vi phạm này là do biến động của thị trường thiếc thế giới và do sự thay đổi của chính sách pháp luật nên thuộc trường hợp bất khả kháng theo Điều V (Điều khoản chung) của hợp đồng. Tuy nhiên, Bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó Toà án phúc thẩm không thể nhận định đây là trường hợp bất khả kháng.

Về án phí, Công ty A kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định của Toà án

Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn là Công ty A; giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P; buộc Công ty A có nghĩa vụ trả số tiền tạm ứng và tiền lãi suất tính đến ngày 30/7/2019 cho Công ty P tổng số tiền là 7.003.270.395 đồng

B. THÔNG TIN VỤ ÁN BẢN ÁN SỐ 02/2019/KDTM-ST NGÀY 12/03/2019 CỦA TAND TỈNH BÌNH PHƯỚC⁵

1. Các bên trong vụ án

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV HDP (sau đây gọi tắt là Công ty HDP); Số 34A5, khu dân cư A B, phường AB, thành phố B H, tỉnh Đ N.

- Đại diện theo pháp luật: ông Võ Tấn Ph - Giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh Q, sinh năm 1975; Số 491, QL14, Phường Tân Bình, thị xã Đ X, tỉnh B Ph.

Bị đơn: Công ty TNHH ĐB (sau đây gọi tắt là Công ty ĐB); Số 179 Nguyễn Huệ, phường Tân Xuân, thị xã Đồng X, tỉnh Bình Ph.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thế H - Giám đốc

⁵ Sau đây gọi là Bản án 2

2. Dữ kiện xoay quanh vấn đề pháp lý⁶

Ngày 10/5/2011, Công ty HDP ký hợp đồng khai thác khoáng sản (mỏ đá) với Công ty DB. Công ty HDP đã trả đầy đủ cho Công ty DB tổng số tiền 6.000.000.000 (6 tỷ đồng). Theo hợp đồng, Công ty DB phải giao cho Công ty HDP diện tích khai thác mỏ đá là 06 ha và cam kết thời hạn khai thác là 5 năm (đến ngày 10/5/2016). Khi hết thời hạn trên, nếu hai bên chưa khai thác hết trữ lượng đá thì hai bên thương lượng để làm thủ tục gia hạn. Công ty HDP khởi kiện cho rằng Công ty DB chỉ giao 4,45ha, thiếu 1,5ha như trong hợp đồng đã ký (đã rút lại yêu cầu này) và yêu cầu gia hạn thời gian khai thác mỏ đá thêm 34 tháng để đủ thời hạn như hợp đồng đã ký. Giấy phép khai thác khoáng sản số 21.GP-UBND do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty DB khai thác từ 16/7/2009 đến ngày 16/7/2012. Công ty DB xin gia hạn và được UBND tỉnh Bình Phước gia hạn thêm 2 năm, tức đến ngày 02/8/2014. Khi gần hết hạn, Công ty DB gửi văn bản số 30/CV ngày 09/6/2014 cho Công ty HDP với nội dung là Công ty DB đã xin gia hạn nhưng theo Thông tư mới thì không được gia hạn mà phải tiến hành đóng cửa mỏ và lập hồ sơ thăm dò khai thác mới, vì lẽ đó nên Công ty DB kiến nghị sẽ hoàn trả lại chi phí cho số thời gian còn lại của giấy phép không được gia hạn tiếp, nếu Công ty HDP tiếp tục khai thác thì phải chịu mọi chi phí liên quan. Công ty HDP thừa nhận đã nhận được văn bản trên nhưng không phản hồi.

3. Nhận định của Tòa án

Nguyên đơn cho rằng mình không có trách nhiệm hỗ trợ chi phí lập dự án thăm dò, khai thác mới nhưng căn cứ Điều 3 của hợp đồng ngày 10/5/2011, số tiền 6 tỷ đồng mà Công ty HDP trả cho Công ty DB là chi phí tính đến thời điểm bàn giao mặt bằng (tức ngày 10/5/2011) nên việc Công ty HDP lấy lý do trên để cho rằng việc xin giấy phép khai thác hoàn toàn thuộc trách nhiệm của Công ty DB là không có cơ sở.

Quyết định số 2116/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ là quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hợp đồng giữa Công ty DB và Công ty HDP không thể tiếp tục. Ngoài ra, tại Điều 5 của hợp đồng 10/5/2011 đề cập đến trường hợp sự kiện bất khả kháng (thay đổi về luật, các quy định của Nhà nước), Công ty DB đã

⁶ Nhóm tác giả chỉ trích lược những tình tiết, sự kiện chính yếu và cần thiết cho việc bình luận án. Để biết thêm thông tin cụ thể, quý độc giả có thể tìm đọc bản án tại chú thích số 2

thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình là thông báo cho Công ty HDP bằng văn bản nên việc chấm dứt hợp đồng là hợp lý.

4. Quyết định của Tòa án

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH MTV HDP về việc yêu cầu Công ty TNHH DB phải tiếp tục gia hạn hợp đồng khai thác khoáng sản đã ký thêm 34 tháng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH MTV HDP về việc yêu cầu Công ty TNHH DB phải bàn giao diện tích còn thiếu là 1,55ha.

C. CÂU HỎI PHÁP LÝ

(i) Tại sao trong Bản án số 02/2019/KDTM-ST, Tòa án nhận định rằng việc thay đổi chính sách pháp luật là sự kiện bất khả kháng nhưng trong Bản án số 02/2020/KDTM-PT, sự thay đổi của chính sách pháp luật không thuộc sự kiện bất khả kháng?

(ii) Việc biến động giá thị trường của hàng hóa trong hợp đồng có là sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn cảnh thay đổi cơ bản hay không?

D. BÌNH LUẬN VÀ SO SÁNH BẢN ÁN

1. Tại sao việc thay đổi chính sách pháp luật được xem là sự kiện bất khả kháng trong Bản án số 02/2019/KDTM-ST nhưng trong Bản án số 02/2020/KDTM-PT Tòa án nhận định rằng việc thay đổi chính sách pháp luật không thuộc sự kiện bất khả kháng?

1.1. Khái quát về sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Theo Điều 156(1) Bộ luật Dân sự 2015 (sau đây viết tắt là “BLDS 2015”), một sự kiện được xem xét là sự kiện bất khả kháng khi đáp ứng đủ những điều kiện sau đây: (i) sự kiện xảy ra một cách khách quan; (ii) sự kiện xảy ra không thể lường trước được; (iii) bên vi phạm đã dùng mọi biện pháp và khả năng cho phép nhưng không thể khắc phục được hậu quả. BLDS 2015 không quy định tiêu chí xác định cụ thể cho từng điều kiện trên, theo đó một sự kiện có được xem là sự kiện bất khả kháng hay không tùy thuộc vào từng quan hệ tranh chấp nhất định. Tuy nhiên, về cơ bản, có thể hiểu sự kiện

xảy ra một cách khách quan là sự kiện phát sinh không phụ thuộc vào ý chí và nằm ngoài sự kiểm soát của các bên, sự kiện xảy ra không thể lường trước được là sự kiện các bên không thể dự đoán được tại thời điểm ký kết hợp đồng và điều kiện các bên “đã dùng mọi biện pháp và khả năng cho phép nhưng không khắc phục được hậu quả” đặt ra yêu cầu bên vi phạm phải nỗ lực tìm mọi biện pháp khả thi để hạn chế, ngăn chặn thiệt hại khi xảy ra sự kiện. Chỉ khi đã nỗ lực tối đa mà vẫn không thể khắc phục được hậu quả thì bên vi phạm mới có thể viện dẫn quy định về sự kiện bất khả kháng để được xem xét miễn trừ trách nhiệm.

Sự kiện bất khả kháng xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ phát sinh những hậu quả pháp lý như sau:

Thứ nhất, bên bị thiệt hại do sự kiện bất khả kháng xảy ra mất hoàn toàn khả năng thực hiện các nghĩa vụ tại hợp đồng, chỉ có thể trì hoãn hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ của mình trong hợp đồng.

Thứ hai, ngay cả khi sự kiện bất khả kháng làm ảnh hưởng tới việc thực hiện hợp đồng, bên không thể thực hiện nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng cũng không đương nhiên được miễn nghĩa vụ. Thông thường, các bên sẽ thỏa thuận kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ (nếu không thì tính thêm một thời gian bằng thời gian xảy ra trường hợp bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục).⁷

Thứ ba, bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự do vi phạm hợp đồng nếu thực hiện đúng nghĩa vụ thông báo cho bên còn lại trong thời hạn hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Thứ tư, các điều khoản phạt vi phạm hợp đồng cũng không thể được áp dụng bởi lẽ sự hội tụ của các yếu tố cấu thành sự kiện bất khả kháng cũng ngầm định rằng bên vi phạm không hề có lỗi.⁸ Các bên có thể thỏa thuận bằng các điều khoản trong hợp đồng rằng, bên vi phạm nghĩa vụ vẫn phải bồi thường ngay cả trong trường hợp xảy ra sự

⁷ Luật Thương mại 2005, Điều 296(1) và Điều 296(4)

⁸ Đỗ Giang Nam, ““Thiên nga đen” - Covid-19 và cơ chế điều chỉnh của pháp luật hợp đồng Việt Nam” Tạp chí nghiên cứu Lập pháp (20/7/2021) <<http://lapphap.vn/Pages/TinTuc/210817/-Thien-nga-den---Covid-19-va-co-che-dieu-chinh-cua-phap-luat-hop-dong-Viet-Nam.html>> truy cập ngày 02/12/2021

kiện bất khả kháng, hoặc giới hạn một số sự kiện cụ thể sẽ được coi hoặc không được coi là sự kiện bất khả kháng...

Điều 420(1) BLDS 2015 quy định một sự kiện được xem là hoàn cảnh thay đổi cơ bản khi đáp ứng được năm điều kiện: (i) Do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng; (ii) Sự kiện không thể lường trước được; (iii) Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác; (iv) Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; (v) Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.

Như vậy, “hoàn cảnh thay đổi cơ bản” cũng là sự kiện mang tính khách quan, không thể lường trước, và không thể khắc phục. Tuy nhiên, hoàn cảnh thay đổi cơ bản và sự kiện bất khả kháng có sự khác biệt rõ ràng ở mức độ ảnh hưởng bởi sự kiện. Đối mặt với sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng không còn khả năng để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình. Trong khi đó, khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản diễn ra, bên bị ảnh hưởng vẫn có thể lựa chọn tiếp tục tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đó. Tuy nhiên, việc thực hiện nghĩa vụ sẽ đặt lên vai bên bị ảnh hưởng một gánh nặng quá lớn và bất hợp lý, làm tổn hại đến lợi ích mà họ vốn dĩ phải có. Đồng thời, căn cứ để xem xét một sự kiện là hoàn cảnh thay đổi cơ bản hay sự kiện bất khả kháng không nằm ở đối tượng mà phải dựa vào hoàn cảnh cụ thể.

Hoàn cảnh thay đổi cơ bản và sự kiện bất khả kháng có thể được đưa vào điều khoản trong hợp đồng, tuy nhiên không có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào được thỏa thuận trong hợp đồng đều mặc nhiên được xem là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Thay vào đó, sự kiện được thỏa thuận trong hợp đồng vẫn phải được xem xét theo các tiêu chí của Điều 156(1) BLDS 2015 trước khi xem xét miễn trách nhiệm cho bên gặp sự kiện bất khả kháng. Khi ký kết hợp đồng dài hạn, các bên có thể thỏa thuận sẽ cho phép Tòa án hay Trọng tài điều chỉnh lại hợp đồng nếu hoàn cảnh thay đổi, cụ thể

là trường hợp xảy ra dịch bệnh, thiên tai; hay sự thay đổi chính sách, các quy định của pháp luật khác.⁹

1.2. Tại sao trong Bản án số 02/2019/KDTM-ST, Tòa án nhận định rằng việc thay đổi chính sách pháp luật là thuộc sự kiện bất khả kháng nhưng trong Bản án số 02/2020/KDTM-PT, sự thay đổi của chính sách pháp luật không thuộc sự kiện bất khả kháng?

Trong trường hợp của Bản án số 2, đầu tiên, do Quyết định số 2116/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ là quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên việc Công ty ĐB không thể gia hạn giấy phép khai thác là sự kiện không do các bên tạo ra hoặc phát sinh do lỗi chủ quan của các bên. Thứ hai, trước khi có thông tư mới thì bên phía Bị đơn đã lên kế hoạch xin gia hạn giấy phép khai thác, và công ty ĐB cũng không biết rằng tại thời điểm đó, Luật Khoáng sản và các văn bản pháp luật liên quan không cho phép gia hạn thời hạn khai thác mỏ đá. Do đó, sự kiện này hoàn toàn nằm ngoài ý muốn của Công ty ĐB. Thứ ba, Công ty ĐB đã có văn bản gửi cho Công ty HDP đề nghị Công ty HDP phối hợp tiến hành đóng cửa mỏ và lập hồ sơ thăm dò khai thác mới, với chi phí phát sinh bên ĐB sẽ chịu, đồng thời nhiều lần điện thoại trực tiếp đề đơn đốc Công ty HDP. Điều này đã cho thấy rõ sự thiện chí của Công ty ĐB trong việc nỗ lực khắc phục hậu quả từ quyết định đóng cửa mỏ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thể hiện mong muốn tiếp tục thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty ĐB không nhận được sự phản hồi nào của Công ty HDP, dẫn đến công ty ĐB không còn cách nào để cải thiện vấn đề.

Như vậy, việc thay đổi chính sách pháp luật ở đây là một sự kiện khách quan, nằm ngoài dự đoán của các bên tham gia vào quan hệ hợp đồng cũng như công ty ĐB đã dùng mọi biện pháp và khả năng cho phép nhưng không thể tiếp tục tiến hành công việc khai thác nên có thể xem việc thay đổi chính sách pháp luật trong trường hợp này là sự kiện bất khả kháng. Thêm vào đó, các bên đều nhận định rằng, Công ty ĐB đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình là thông báo cho Công ty HDP bằng văn bản nên việc chấm dứt hợp đồng là hợp lý và Công ty ĐB không phải gia hạn thời gian khai thác thêm 34 tháng như yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Tóm lại, việc thay đổi

⁹ ‘Điều chỉnh lại hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi’, VIAC, (25/05/2021), <<https://www.viac.vn/thu-tuc-trong-tai/004-%7C-dieu-chinh-lai-hop-dong-khi-hoan-can-h-thay-doi-a130.html>> truy cập ngày 08/11/2021

chính sách pháp luật là một sự kiện bất khả kháng và Công ty ĐB được miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm xuất phát từ sự kiện này.

Trong trường hợp của Bản án số 1, thứ nhất, việc thay đổi chính sách pháp luật cũng xảy ra một cách khách quan vì sự kiện này không do các bên tạo ra hoặc phát sinh do lỗi chủ quan của các bên vì thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật và hoạch định chính sách thuộc về cơ quan Nhà nước. Thứ hai, việc thay đổi chính sách thuế này cũng không thể lường trước được, bởi lẽ, sự kiện này hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của các bên tại thời điểm ký kết hợp đồng. Hơn nữa, từ thời điểm ký kết hợp đồng đến thời điểm ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2016 cách nhau một khoảng thời gian dài (từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 07 năm 2016). Do đó, Công ty A khó có thể dự liệu được tình huống này. Tuy nhiên, sự kiện này vẫn chưa đáp ứng tiêu chí bên vi phạm “đã dùng mọi biện pháp và khả năng cho phép nhưng không thể khắc phục được hậu quả.” Bởi lẽ, mặc dù Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2016 đã khiến cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản bị ảnh hưởng nghiêm trọng do không được hoàn thuế giá trị gia tăng, điều này vẫn không loại trừ hoàn toàn năng lực giao hàng của Công ty A. Nói cách khác, Công ty A phải chịu tổn thất một khoản tiền lớn do không được hoàn thuế giá trị gia tăng nhưng vẫn có thể tiếp tục thực hiện hợp đồng. Như đã đề cập, hoàn cảnh thay đổi cơ bản diễn ra khác với sự kiện bất khả kháng ở chỗ, bên bị ảnh hưởng vẫn có thể lựa chọn tiếp tục tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng dù việc thực hiện nghĩa vụ sẽ đặt lên vai bên bị ảnh hưởng một gánh nặng rất lớn. Vì vậy, việc Công ty A vẫn còn khả năng giao hàng chính là yếu tố then chốt để nhận định rằng việc thay đổi chính sách thuế không được xem là sự kiện bất khả kháng theo BLDS 2015.

Khi chính sách thuế bị thay đổi đột ngột, Công ty A không thể lường trước được sự kiện này dẫn đến việc thất thoát giá trị kinh tế lớn mà nếu biết trước thì Công ty A có thể đã không ký kết hợp đồng hoặc thay đổi nội dung hợp đồng được giao kết. Tuy nhiên, Công ty A vẫn có thể tiếp tục thực hiện hợp đồng. Với những tiêu chí trên, việc

thay đổi chính sách thuế đã đáp ứng đủ các điều kiện để có thể được xem là hoàn cảnh thay đổi cơ bản **thay vì là một sự kiện bất khả kháng.**

2. Biến động thị trường là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản?

2.1. Sự biến động về giá cả của thị trường thiếc thế giới có thể được xem là một trong những yếu tố chi phối giá thiếc trong hợp đồng hay không?

Tại Điều 21(1)(c) Luật Giá 2012 có quy định về căn cứ định giá bao gồm “*Giá thị trường trong nước, thế giới và khả năng cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm định giá*”. Do đó, biến động giá cả thị trường bất kể là thị trường trong nước hay quốc tế cũng là một nhân tố chi phối giá thiếc trong hợp đồng.

Theo Điều 2 Mục II Thông tư số 158/2014/TT-BTC về Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 02 có định nghĩa “*Giá trị thị trường là mức giá ước tính của tài sản tại thời điểm, địa điểm thẩm định giá, giữa một bên là người mua sẵn sàng mua và một bên là người bán sẵn sàng bán, trong một giao dịch khách quan, độc lập, có đủ thông tin, các bên tham gia hành động một cách có hiểu biết, thận trọng và không bị ép buộc. Trong đó:*

a) *Thời điểm, địa điểm thẩm định giá là thời gian, không gian cụ thể tương ứng với thời gian, không gian mà giá trị của tài sản thẩm định giá được thẩm định viên xác định gắn với những yếu tố về cung, cầu, thị hiếu và sức mua trên thị trường.*

b) *Người mua sẵn sàng mua là người có khả năng thanh toán và có nhu cầu mua tài sản với mức giá tốt nhất có thể được trên thị trường.*

c) *Người bán sẵn sàng bán là người có tài sản hợp pháp và có nhu cầu muốn bán tài sản với mức giá tốt nhất có thể được trên thị trường.*

d) *Giao dịch khách quan, độc lập, có đủ thông tin là giao dịch giữa các bên không có mối quan hệ đặc biệt gây ảnh hưởng đến giá giao dịch của tài sản và các bên tham gia có đủ thời gian cần thiết để khảo sát, tiếp cận đầy đủ thông tin về tài sản và thị trường tài sản sau quá trình tiếp thị thích hợp.*

đ) *Hành động một cách có hiểu biết, thận trọng và không bị ép buộc là khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi dân sự, cân nhắc đầy đủ các cơ hội và lựa chọn tốt nhất cho mình từ các thông tin trên thị trường trước khi đưa ra quyết định*

mua hoặc quyết định bán một cách hoàn toàn tự nguyện, không nhiệt tình mua hoặc nhiệt tình bán quá mức, không bị bất cứ sức ép nào buộc phải bán hoặc mua để có được mức giá phù hợp nhất cho cả hai bên.”

Về lĩnh vực kim loại, sàn giao dịch kim loại London (London Metal Exchange) là một trong số những sàn giao dịch trung tâm thế giới về giao dịch kim loại công nghiệp. Giá của LME được xem là giá thị trường thiếc thế giới vì 3 lý do sau: (i) giá cả hàng hóa tại sàn được cập nhật hàng ngày, (ii) số lượng giao dịch thiếc từ các thương nhân trên khắp thế giới và (iii) các giao dịch trên sàn LME đều được niêm yết giá công khai. Sàn giao dịch này công bố trên trang web chính thức của mình rằng vào năm 2020, 155 triệu lô đã được giao dịch tại LME tương đương với 11,6 nghìn tỷ đô la và 3,5 tỷ tấn danh nghĩa với mức lãi suất mở trên thị trường (MOI) cao là 2 triệu lô.¹⁰ LME giao dịch khoảng 176 triệu lô kim loại hàng năm, tương đương với khoảng 13,5 nghìn tỷ đô la. Giao dịch trên LME thường vượt qua sản lượng kim loại toàn cầu hệ số 40.¹¹ Vì vậy, số liệu sàn giao dịch kim loại này cung cấp có thể được xem là chứng cứ chứng minh sự biến động của giá thiếc trên thị trường thế giới.

2.2. Nếu Bị đơn cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ ở Bản án số 1 thì có được nhận định là sự kiện bất khả kháng hay không?

Trong trường hợp Bản án số 2, Tòa án cho rằng Bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh rằng việc không thực hiện đúng thời gian giao hàng của mình là do biến động của thị trường thiếc thế giới. Trong bản án này, Bị đơn đưa ra số liệu vào ngày 02/12/2015, khi hai bên ký Hợp đồng mua bán thiếc kỳ hạn số 02/2015/PTCO-ATC, thị trường thiếc thế giới và Việt Nam giảm sâu khoảng 23.000 USD/tấn xuống còn 16.000 USD/tấn nên cả hai công ty sẽ bị lỗ. Tuy nhiên, đối chiếu với số liệu mà Sàn giao dịch kim loại London (LME) cung cấp, vào tháng 12 năm 2015, giá thiếc thế giới đang rơi vào khoảng 14.702 USD/tấn và đến thời điểm giao hàng ngày 30/02/2016 là khoảng 15.654 USD/tấn.¹² Điều này đặt ra nghi vấn về tính chính xác của giá thiếc do bên Bị đơn cung cấp.

¹⁰ About The LME <<https://www.lme.com/en/Company/About>> truy cập ngày 10/11/2021

¹¹ Lawrence Pines, ‘London Metal Exchange [LME] – How The World’s Largest Base Metal Marketplace Works’, *Commodity* (30/11/2020) <<https://commodity.com/trading/exchanges/london-metal/>> truy cập ngày 10/11/2021

¹² Monthly Average, *Westmetall*, <https://www.westmetall.com/en/markdaten.php?action=averages&field=LME_Sn_cash#y2016> truy cập ngày 10/11/2021

Bên cạnh đó, như đã phân tích ở trên, căn cứ Điều 156(1) BLDS 2015, một sự kiện sẽ được coi là bất khả kháng nếu sự kiện đó xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được tại thời điểm giao kết hợp đồng và bên vi phạm không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Tuy vậy, việc biến động giá cả là một rủi ro thông thường trong các giao dịch thương mại, đặc biệt là với loại hợp đồng mua bán hàng hóa với giá cả được xác định tại một thời điểm trong tương lai, vì thế rủi ro này các bên phải dự liệu được trong hợp đồng. Do đó việc Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A cho rằng việc biến động giá cả thị trường là sự kiện bất khả kháng là không phù hợp. Đồng thời, việc biến động giá cũng đồng thời không phải hoàn cảnh thay đổi cơ bản khi sự kiện này không đáp ứng tiêu chí không thể lường trước được tại thời điểm các bên tiến hành giao kết hợp đồng.

Điều 295 Luật Thương mại 2005 quy định: *“Bên vi phạm hợp đồng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia về trường hợp được miễn trách nhiệm và những hậu quả có thể xảy ra”*. Sự kiện bất khả kháng được xem là trường hợp miễn trách nhiệm dân sự theo Điều 351(2) BLDS 2015, vì lẽ đó nên trong Bản án số 2, Bị đơn là Công ty A có trách nhiệm phải thông báo cho bên Nguyên đơn là Công ty P về hoàn cảnh của mình. Tuy nhiên từ những tình tiết trong bản án, có thể thấy Công ty A chưa hoàn thành nghĩa vụ thông báo của mình. So sánh với Bản án 1, Công ty ĐB đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình là thông báo cho Công ty HDP bằng văn bản về việc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ảnh hưởng trực tiếp đến hợp đồng giữa các bên nên việc chấm dứt hợp đồng được Tòa án xem là hợp lý. Ngược lại, nếu một bên biết về sự kiện bất khả kháng đang xảy ra ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng nhưng không thông báo cho bên còn lại thì cũng không được miễn trách nhiệm và phải bồi thường thiệt hại theo điều khoản của hợp đồng. Điều 295(2) Luật Thương mại 2005 quy định *“nếu bên vi phạm không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho bên kia thì phải bồi thường thiệt hại”*. Không thông báo cho Công ty P về hoàn cảnh của mình đồng nghĩa với việc. Công ty A sẽ bị mất quyền viện dẫn căn cứ miễn trách nhiệm xuất phát từ sự kiện bất khả kháng và phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

3. Kết luận

Như vậy, từ quy định tại BLDS 2015 và thực tiễn xét xử, có thể thấy một sự kiện xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng chỉ được xem là sự kiện bất khả kháng khi đáp ứng đủ các điều kiện tại Điều 156 BLDS 2015. Ngoài ra, bên vi phạm phải thông báo bằng cho bên còn lại khi sự việc xảy ra trong một khoảng thời gian hợp lý sau khi đã nỗ lực hết mức thì mới được Tòa án xem là sự kiện bất khả kháng và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hoặc chấm dứt hợp đồng.¹³ Trong thực tiễn giao kết hợp đồng, nhóm tác giả đề xuất các bên có thể bổ sung điều khoản “sự kiện bất khả kháng” và “hoàn cảnh thay đổi cơ bản” gồm những trường hợp nào, những trường hợp này phải đi kèm với hệ quả trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng thực hiện hợp đồng của ít nhất một bên và nghĩa vụ thông báo khi xảy ra sự kiện bất khả kháng để giảm thiểu thiệt hại phát sinh. Tuy nhiên không phải bất kỳ sự kiện nào trong thỏa thuận cũng được mặc nhiên được xem là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản, thay vào đó vẫn phải xem xét theo các tiêu chí đã phân tích ở trên trước khi xem xét miễn hoặc giảm trách nhiệm cho bên có lợi ích bị ảnh hưởng. Do đó, ngay cả khi gặp phải những trở ngại khách quan mà hợp đồng có đề cập, các bên vẫn phải giữ sự thiện chí, nỗ lực tối đa trong việc thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng.

Đối với hợp đồng mà giá cả được xác định trong tương lai, việc giá cả hàng hóa tăng hoặc giảm mạnh có thể gây ra sự thiệt hại đáng kể hoặc rất khó khăn cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng nhưng những sự thay đổi như vậy là các rủi ro bình thường trong giao dịch thương mại mà các bên với tư cách là những đối tác thương mại đã có thể dự đoán từ trước. Vì lẽ đó, sự việc này thường không được xem là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Tuy nhiên để cân bằng quyền và lợi ích của các bên, đồng thời nhằm đảm bảo nguyên tắc thiện chí trong thương mại, nhóm tác giả đề xuất khi soạn thảo hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng có thể đặt ra một ngưỡng giá chung, nếu giá cả vượt quá mức này có thể thương lượng sửa đổi giá trong hợp đồng. Ví dụ dựa vào bảng số liệu cung cấp từ LME, hai bên trong hợp đồng của bản án 1 có thể thêm điều khoản điều chỉnh giá như nếu giá thiếc trong tương lai vượt quá biên độ 50% phần trăm so với giá được thỏa thuận trong hợp đồng hoặc giá hàng hóa tại thời điểm giao kết hợp đồng thì bên bán có quyền đàm phán lại về giá và các vấn đề liên quan khác.

E. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

¹³ Bộ luật dân sự 2015, Điều 584(2)

Văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ luật Dân sự 2015
2. Luật Thương mại 2005
3. Luật Giá 2012
4. Thông tư số 158/2014/TT-BTC về Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam

Nguồn điện tử

1. About The LME, <<https://www.lme.com/en/Company/About>>
2. Lawrence Pines, ‘London Metal Exchange [LME] – How The World’s Largest Base Metal Marketplace Works’, *Commodity* (30/11/2020) <<https://commodity.com/trading/exchanges/london-metal/>> truy cập ngày 10/11/2021
3. Monthly Average, *Westmetall* <https://www.westmetall.com/en/markdaten.php?action=averages&field=LME_Sn_cas_h#y2016>
4. ‘Điều khoản và điều kiện chung’, *Karcher*, <<https://www.kaercher.com/vn/cac-dich-vu/ho-tro/thong-tin-onlineshop/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung.html?fbclid=IwAR0zTXOuXa9HksedHwsdAfDabySvIDHDrM6ySnKZAgaLaweuqTPNmLgEeU>>
5. Phương Anh, ‘Vi sao không nên dự đoán thị trường’, *Vietcaplink*, <<https://vietcaplink.vn/tin-tuc/vi-sao-khong-nen-du-doan-thi-truong-23.html>>
6. Lê Văn Sua, ‘Bàn về sự kiện bất khả kháng và nguyên tắc suy đoán lỗi tại điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015’, *Bộ Tư pháp* (02/03/2017), <<https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2103>>
7. Trương Nhật Quang, ‘Vấn đề miễn trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong trường hợp bất khả kháng – Covid-19’, *Tạp chí nghiên cứu Lập pháp* (17/3/2020) <<http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210450>>
8. Nguyễn Ngọc Bích, ‘Sự kiện bất khả kháng đối với hợp đồng thương mại trong bối cảnh Covid-19’, *Tạp chí Điện tử Luật sư Việt Nam* (22/10/2021) <<https://lsvn.vn/su-kien-bat-kha-khang-doi-voi-cac-hop-dong-thuong-mai-trong-boi-ca-nh-covid-191634859951.html>>